

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẤT CƯỜNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẤT CƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH XD NHẤT CƯỜNG

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1602172343

**3. Ngày thành lập:** 14/07/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 104, Đường Mai Văn Tạo, Tổ 15, Khóm Vĩnh Đông, Phường Núi Sam, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0975.044.462

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                 | 4322     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Giám sát thi công công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình dân dụng | 4330     |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                   | 4390     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                    | 4649     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                       | 4659     |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                   | 4662     |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                               | 4663     |
| 8.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án các công trình xây dựng                                                                                                    | 7020     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 9.  | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: Thiết kế công trình đường giao thông đến cấp III, dân dụng đến cấp III, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đến cấp III</p> <p>Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình: đường bộ, công nghiệp, công cộng, nhà ở</p> <p>Chi tiết: Đo vẽ bình đồ trắc dọc, trắc ngang công trình giao thông đến cấp IV, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đến cấp IV</p> <p>Chi tiết: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và dự toán các công trình: dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật</p> <p>Chi tiết: Thăm tra hồ sơ bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật</p> <p>Chi tiết: Thực hiện các hoạt động có liên quan đến nghiệp vụ đấu thầu</p> <p>Chi tiết: Khoan địa chất công trình</p> <p>Chi tiết: Giám sát thi công công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình nông nghiệp phát triển nông thôn, công trình dân dụng</p> | 7110(Chính)                                                  |
| 10. | <p>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</p> <p>Chi tiết: Kiểm định công trình xây dựng</p> <p>Chi tiết: Thăm tra thiết kế công trình</p> <p>Chi tiết: Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7120                                                         |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4101                                                         |
| 12. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4102                                                         |
| 13. | <p>Xây dựng công trình điện</p> <p>(Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4221                                                         |
| 14. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4222                                                         |
| 15. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4229                                                         |
| 16. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4291                                                         |
| 17. | <p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4299                                                         |
| 18. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4311                                                         |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312                                                         |
| 20. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4321                                                         |
| 21. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Ho và tên: CAO HOÀNG NHÍ

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 06/02/1989

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 089089027447

Ngày cấp: 14/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC Về TTXH

Địa chỉ thường trú: *Khóm Vĩnh Tây 2, Phường Núi Sam, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khóm Vĩnh Tây 2, Phường Núi Sam, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Ho và tên: CAO HOÀNG NHÍ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 06/02/1989

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 089089027447

Ngày cấp: 14/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC Về TTXH

Địa chỉ thường trú: *Khóm Vĩnh Tây 2, Phường Núi Sam, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Khóm Vĩnh Tây 2, Phường Núi Sam, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh An Giang